

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Ngành LUẬT KINH TẾ- KHÓA 25

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo (CTĐT)

Tên chương trình đào tạo				
Cử nhân ngành Luật Kinh tế				
Bậc trình độ theo khung trình độ quốc gia Việt Nam				
Bậc 6				
Đơn vị cấp bằng			Đơn vị giảng dạy	
Trường Đại học Văn Lang			Trường Đại học Văn Lang	
Khoa quản lý				
Khoa Luật				
Trang thông tin điện tử của khoa				
http://luat.vanlanguni.edu.vn/				
Tên văn bằng				
Cử nhân Luật				
Mã ngành đào tạo				
7380107				
Điều kiện tuyển sinh				
Ngành Luật Kinh tế tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; - Phương thức 2: xét tuyển theo kết quả học tập học bạ năm lớp 12 phổ thông trung học; - Phương thức 3: xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực đầu vào của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh; - Phương thức 4: tuyển trực tiếp những học sinh đoạt giải thưởng cấp quốc gia.				
Thời gian và hình thức đào tạo				
Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngày/Tháng bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo
Cử nhân Luật Kinh tế	4 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thực tập thực tế.
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				

Ngôn ngữ dùng để đánh giá

Tiếng Việt

2. Chương trình được kiểm định theo tiêu chuẩn của tổ chức:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

3. Tổ xây dựng/rà soát CTĐT (Tên của tổ trưởng và các thành viên chính tham gia thiết kế/rà soát CTĐT)

TT	Chức danh	Họ tên	Vai trò	Chuyên ngành
1	PGS-TS-GVCC Trưởng Khoa	Bùi Anh Thủy	Tổ trưởng	Luật Kinh tế
2	Tiến sĩ	Nguyễn Hữu Thế Trạch	Thành viên	Luật
3	Th.s Phó Trưởng Khoa	Nguyễn Hữu Bình	Thành viên chính	Luật Kinh tế
4	Th.s – GVC Phó Trưởng phụ trách Bộ môn Luật Quốc tế	Nguyễn Thị Yên	Thành viên chính	Luật Hình sự Quốc tế
5	Th.s Trưởng Bộ Môn Dân sự - Thương mại	Trần Minh Toàn	Thành viên chính	Luật Kinh tế
6	Th.s – Giảng viên	Th.s Đinh Lê Oanh	Thư ký	Luật Kinh tế
7	Th.s – Giảng viên	Th. s Vũ Thị Bích Hải	Thành viên chính	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự
8	Th.s – Giảng viên	Trần Vĩ Cường	Thành viên	Luật Thương mại Quốc tế
9	Th.s – Giảng viên	Đỗ Quang Thuần	Thành viên	Luật Kinh tế
10	Th.s – Giảng viên	Nguyễn Thị Kim Quyên	Thành viên	Luật Kinh tế và những vấn đề trọng tài
11	Th.s – Giảng viên	Nguyễn Hoài Bảo	Thành viên	Luật Kinh tế
12	Th.s – Giảng viên	Cao Ngọc Sơn	Thành viên	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự

4. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

+ **Nhóm nghề nghiệp thuộc về tư vấn và tranh tụng:**

- Làm việc tại bộ phận pháp chế, bộ phận tư vấn cho tất cả các loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài (FDI), doanh nghiệp dân doanh cả trong và ngoài nước;
- Hành nghề luật sư cá nhân, luật sư tại văn phòng luật sư, công ty luật, các tổ chức tư vấn, dịch vụ pháp lý, tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ, tư vấn thuế và tài chính...và tham gia tranh tụng tại Tòa án.
- Làm việc tại các cơ quan hòa giải và trọng tài.

+ **Nhóm công chức, viên chức nhà nước:**

- Làm việc tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, các sở ban ngành trực thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các cục, bộ ..
- Làm việc ở các tổ chức đoàn thể, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc
- Làm việc tại các cơ quan tư pháp : Tòa án nhân dân; Viện Kiểm sát Nhân dân, Công an, cơ quan thi hành án.
- + **Nhóm nghề nghiệp bổ trợ cho các cơ quan tư pháp:** Phòng/ văn phòng công chứng, cơ quan thừa phát lại, cơ quan thẩm định giá, đấu giá, quản tài viên, công ty quản lý tài sản, hòa giải viên lao động, hội đồng trọng tài lao động.
- + **Nhóm nghề nghiệp công tác khoa học, nghiên cứu và giảng dạy:**
 - Làm công tác nghiên cứu trong các Viện nghiên cứu về nhà nước và pháp luật;
 - Giảng viên Luật kinh tế ở các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp.
 - Giảng viên Luật kinh tế ở các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp.

5. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

5a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy-học của ngành đào tạo	
Triết lý giáo dục của CTĐT là “Sự kết hợp của lý thuyết và các hoạt động ứng dụng mô phỏng và thực hành, kỹ năng sử dụng, vận dụng pháp luật vào thực tiễn”	
5b. Mục tiêu của CTĐT	
PO 1	Vận dụng được các kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành để nhìn nhận, tư duy các vấn đề pháp lý một cách logic, phù hợp với chuẩn mực pháp luật và giải quyết vấn đề một cách độc lập, sáng tạo, linh hoạt và nhạy bén. có kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả;
PO 2	Phân tích, nhìn nhận và đánh giá được các tình huống pháp lý phát sinh và vận dụng những quy định pháp luật phù hợp; có tính phản xạ tốt, kỹ năng lập luận, kỹ năng phát hiện rủi ro, đề xuất giải pháp và biện pháp khắc phục, kỹ năng tư vấn và soạn thảo văn bản, thư từ, tài liệu, kỹ năng đàm phán hợp đồng, kỹ năng tư vấn và lãnh đạo, kỹ năng tranh tụng và hòa giải.
PO 3	Có tinh thần tự học, siêng năng, chăm đọc sách và nghiên cứu tài liệu, văn bản pháp luật. Ý thức tự giác tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc. Có tinh thần trách nhiệm, luôn chủ động, sáng tạo trong công việc được giao; tuân thủ nghiêm túc nội quy, kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp; tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, có lập trường kiên định về tư tưởng chính trị
5c. Chuẩn đầu ra của CTĐT	
ELO 1	Vận dụng những hiểu biết về chính trị, xã hội, pháp luật vào đời sống và công việc.
ELO 2	Vận dụng các kiến thức nền tảng khoa học xã hội và khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

ELO 3	Vận dụng các kiến thức cơ bản theo khối ngành về lý luận - lịch sử nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp, luật hành chính cũng như một số kiến thức cơ bản về kinh tế học vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo
ELO 4	Áp dụng các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý theo nhóm ngành về luật dân sự, luật hôn nhân và gia đình, luật hình sự, luật thương mại, công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế... trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc
ELO 5	Vận dụng được các kiến thức pháp lý chuyên sâu theo ngành trong lĩnh vực pháp luật kinh tế để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể phát sinh trong quá trình tổ chức, quản lý kinh tế và các hoạt động kinh doanh
ELO 6	Có khả năng phân tích, đánh giá được các tính huống pháp lý, lựa chọn áp dụng những quy định pháp luật thích hợp; phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể
ELO 7	Có khả năng đàm phán trong công việc; đề xuất được giải pháp xử lý tình huống pháp lý trong kinh doanh
ELO 8	Có kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu trong kinh doanh thương mại và tư vấn, quản lý doanh nghiệp; khả năng soạn thảo các hợp đồng thương mại. Có thể đảm nhiệm công tác pháp lý trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; Làm việc trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội; Có phương pháp trình bày khoa học, tư vấn pháp luật đạt hiệu quả cho các đối tượng
ELO 9	Biết sử dụng các văn bản pháp luật, phân tích luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; có khả năng tư vấn pháp luật kinh doanh (công ty, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, kiểm toán, chứng khoán, tài chính, tài nguyên, môi trường, sở hữu trí tuệ...) một cách độc lập
ELO 10	Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tổng kết được các bài học kinh nghiệm nghề nghiệp cho bản thân từ thực tiễn trên cơ sở đối chiếu với các kiến thức đã được trang bị
ELO 11	Có trình độ công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ thông tin và Truyền thông, quy định chuẩn kỹ sử dụng công nghệ thông tin; Thành thạo ứng dụng công nghệ thông tin trong việc soạn thảo các hợp đồng, tài liệu và văn bản pháp luật sử dụng trong các quan hệ dân sự, thương mại và hành chính
ELO 12	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp bằng ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc TOEIC 450; Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo

ELO 13	Có kỹ năng tương tác, giao tiếp, thuyết trình tốt; khả năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm; giải quyết công việc một cách logic và sáng tạo; thích ứng tốt với sự phát triển của xã hội, khả năng tự học vươn lên trong môi trường làm việc
ELO 14	Có ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng và bảo vệ công lý, xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh
ELO 15	Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu công việc được giao; làm việc nghiêm túc, khoa học, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc
ELO 16	Có ý thức chấp hành kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp; Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, đối tác. Có lập trường kiên định, tư tưởng chính trị rõ ràng.

5.d. Những đặc điểm khác của CTĐT

i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa (CTĐT có những giải pháp gì để thúc đẩy khả năng quốc tế hóa và khuyến khích sinh viên giao lưu văn hóa?)

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong đa dạng các lĩnh vực và ngành nghề khác nhau. Được đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành luật, do đó đáp ứng được nhu cầu giao tiếp và soạn thảo thành thạo các văn bản tài liệu sử dụng ngôn ngữ quốc tế. đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Chương trình đào tạo có lộ trình đào tạo tham khảo từ chương trình chuyên ngành Luật của các trường đại học uy tín: như Trường Đại học Bristol (Anh), Trường Đại học Monash (Úc); California State University Bakersfield (USA Trong nước có trường Đại học Luật TP. HCM; Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, trường Đại học Cần Thơ. Có các chương trình trao đổi sinh viên, nhiều chương trình hội thảo quốc tế tại trường để sinh viên tham gia nhằm học hỏi và tiếp thu các kinh nghiệm từ các nhà nghiên cứu, các học giả quốc tế, những Nhà giáo, những Giáo sư có kinh nghiệm và uy tín trong và ngoài nước.
- Sinh viên được tham gia các chương trình trao đổi học thuật và văn hóa với các quốc gia trong khu vực. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường truyền thông đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác (Tính bình đẳng, đa dạng, đầy đủ được tích hợp như thế nào khi thiết kế, xây dựng nội dung và triển khai CTĐT)

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành phù hợp với sở thích và năng lực.

6. Các chương trình và quy định được tham khảo

6.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).
- Đối sánh CTĐT với các trường (*Benchmarked with*): Monash University (Australia), California State University Bakersfield (USA), University of London (UK), University of Wollongong (Australia), and Victoria university (Australia) Trường Đại học Bristol (Anh) – Top 13 về đào tạo Luật của Anh và top 50 về đào tạo Luật của thế giới (năm 2018), Trường Đại học Monash (Úc) – Top 31 về đào tạo Luật của thế giới (QS Subject Ranking 2019); Chương trình đào tạo ngành Luật của các trường có uy tín tại Việt Nam như: Chương trình đào tạo Luật của Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, chương trình đào tạo ngành Luật của Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội và chương trình đào tạo ngành Luật của Đại học Cần Thơ.

6b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 129 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và có điểm đạt môn giáo dục thể chất; Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo; cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
2. Xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa như sau:
 - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
 - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
 - Khá: từ 2.50 đến 3.19
 - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

7. Cấu trúc CTĐT (bao gồm mã học phần, tên học phần và số tín chỉ):

7.a. Cấu trúc chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
HỌC KỲ 1			
Học phần bắt buộc			
1	DXH0150	Logic học đại cương	3
2	DTA0012	Anh văn 1	3
3	DTH0012	Tin học cơ bản	2
4	DKT0011	Kinh tế vi mô	2
5	DLK0010	Lý luận về Nhà nước và pháp luật	3
6	DLK0020	Luật Hiến pháp	3
7	DLK0040	Luật Hành chính	3
HỌC KỲ 2			
Học phần bắt buộc			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
8	DCT0080	Triết học Mác - Lênin	3
9	DTL0010	Tâm lý học đại cương	2
10	DTA0020	Anh văn 2	3
11	DQP0010	Giáo dục quốc phòng	8TC (90LT, 75TH)
12	DLK0030	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	2
13	DLK0050	Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế	2
14	DLK0060	Luật Hình sự	3
15	DLK0070	Luật Hôn nhân và gia đình	2
HỌC KỲ 3			
Học phần bắt buộc			
16	DCT0090	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
17	DTA0030	Anh văn 3	3
18	DGT0010	Giáo dục thể chất 1	0
19	DKT0031	Kinh tế vĩ mô	2
20	DLK0051	Hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3
21	DLK0080	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3
Học phần tự chọn			
22	DPR0060	Kỹ năng giao tiếp	2
23	DPR0040	Kỹ năng thuyết trình	2
24	DXH0071	Kỹ năng làm việc nhóm	2
25	DXH0040	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
HỌC KỲ 4			
Học phần bắt buộc			
26	DCT0100	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
27	DTA0040	Anh văn 4	3
28	DGT0020	Giáo dục thể chất 2	0
29	DLK0081	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2
30	DLK0140	Luật Đất đai	2
31	DLK0113	Luật Tố tụng hình sự	2
32	DLK0221	Luật Lao động	3
Học phần tự chọn			
33	DLK0250	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2
34	DLK0170	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
35	DLK0260	Pháp luật về chứng khoán	2
36	DLK0280	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2
HỌC KỲ 5			
Học phần bắt buộc			
37	DLK0241	Luật Đầu tư	2
38	DLK0112	Luật Tố tụng dân sự	3
39	DCT0030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
40	DLK0090	Công pháp quốc tế	3
41	DTA0100	Anh văn chuyên ngành Luật KT	3
Học phần tự chọn			
42	DLK0230	Pháp luật thương mại ASEAN	2
43	DLK0150	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2
44	DLK0160	Pháp luật xuất nhập khẩu	2
45	DLK0430	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	2
HỌC KỲ 6			
Học phần bắt buộc			
46	DCT0110	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
47	DLK0210	Tư pháp quốc tế	3
48	DLK0270	Luật Sở hữu trí tuệ	2
49	DLK0131	Luật Ngân hàng	2
50	DLK0082	Luật Thương mại quốc tế	3
Học phần tự chọn			
51	DLK0240	Luật Đầu tư quốc tế	2
52	DFB0231	Thanh toán quốc tế	2
53	DLK0470	Luật Thi hành án dân sự	2
54	DLK0490	Luật Biển	2
HỌC KỲ 7			
Học phần bắt buộc			
55	DLK0100	Luật So sánh	2
56	DLK0190	Luật Thuế	2
57	DLK0200	Luật Môi trường	2
58	DLK0480	Luật Tổ chức thương mại thế giới WTO	2
59	DLK0340	Xây dựng văn bản pháp luật	2
60	DLK0330	Luật Cạnh tranh	2
61	DLK0320	Pháp luật về thương mại điện tử	2
Học phần tự chọn			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
62	DLK0500	Luật sư và thực hành nghề luật	2
63	DLK0510	Lễ tân ngoại giao	2
HỌC KỲ 8			
Học phần bắt buộc			
64	DLK0350	Thực tập cuối khóa	4
Học phần tự chọn			
65	DLK0360	Khóa Luận tốt nghiệp	6
66	DLK0520	HPTN1: Các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại	3
67	DLK0290	HPTN 2: Kỹ năng đàm phán, soạn thảo, tư vấn hợp đồng trong kinh doanh	3
Tốt nghiệp			

7.b. Giải thích về chương trình và thiết kế đánh giá:

i) Liên hệ với giảng viên
<ul style="list-style-type: none"> - Gặp trực tiếp: giờ lên lớp, giờ trực chuyên môn tại văn phòng khoa; - Gặp gián tiếp thông qua các phương tiện nghe, nhìn: trang học trực tuyến; - Thông qua cố vấn học tập: đặt lịch hẹn.
ii) Tự học và trải nghiệm thực tế
<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên được giảng viên giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo trong thư viện để tự học, tự nghiên cứu. Sinh viên cũng sử dụng hệ thống học trực tuyến để sử dụng các tài nguyên kỹ thuật số và tạo điều kiện thuận tiện cho việc tự học ngoài lớp. - Trong quá trình học, sinh viên sẽ được tham gia các hoạt động trải nghiệm như sau: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tham dự các phiên tòa tại Tòa án Nhân dân; ▪ Thực tập tại các Tổ chức hành nghề Luật sư; ▪ Tham dự mô phỏng các phiên tòa tập sự; ▪ Tham gia các cuộc thi về pháp luật cấp Khoa, cấp Trường và cấp Thành phố; ▪ - Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học
iii) Các hình thức đánh giá
<p>Đánh giá theo quy định của Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Văn Lang: Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ.</p> <p>Sinh viên được đánh giá qua các tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình (30%): Thông qua các hình thức kiểm tra đánh giá như làm bài thuyết trình, bài tập, chuyên cần, phát biểu ý kiến, thảo luận; - Điểm giữa kỳ (20%): Thi, làm bài tập nhóm, tiểu luận, thuyết trình; - Điểm cuối kỳ (50%): Thi, tiểu luận.

8. Đóng góp của những người ngoài trường

- Một số học phần thực hành, thực tế và một số hoạt động chuyên môn được giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp bởi các chuyên gia từ các doanh nghiệp ở nhiều lĩnh vực.
- Một số học phần có thể chọn học phương pháp song song, theo đó mời chuyên gia theo từng lĩnh vực nghề nghiệp gồm Luật sư, Thẩm phán... hay những người có chuyên môn khác, phối hợp cùng giảng viên đứng lớp, tiến hành chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn.
- Tùy vào nhu cầu, khoa có kế hoạch hợp tác và mời chuyên gia thực tế giảng dạy các học phần/chuyên đề đặc biệt, họ vẫn đảm bảo tuân thủ phương pháp đánh giá theo quy định để hướng đến đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

9. Học tập trải nghiệm qua công việc thực tế

9.a. CTĐT có tạo cơ hội học tập qua công việc thực tế hay không?
<ul style="list-style-type: none">- Sinh viên từ năm thứ 2 có cơ hội trải nghiệm công việc thực tế tại các doanh nghiệp, từ đó sinh viên nhìn thấy rõ ràng bức tranh nghề nghiệp trong thực tế sau này ra trường đi làm.- CTĐT đã thiết kế thời gian thực tập cuối khóa tại các doanh nghiệp để thực hành công việc thực tế đúng chuyên ngành được đào tạo.
9.b. Trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp là bắt buộc hay tùy chọn?
CTĐT yêu cầu một số học phần phải đào tạo thông qua công việc thực tế, sinh viên được yêu cầu xử lý trên quy trình công việc thực tế tại các doanh nghiệp.
9.c. Tóm tắt bản chất học tập qua công việc thực tế
Một số học phần được tổ chức giảng dạy tại doanh nghiệp giúp sinh viên xử lý trên các quy trình công việc thực tế ở từng phân hành kế toán. Sinh viên có cơ hội nghiên cứu, khám phá và trình bày quan điểm với giảng viên và các chuyên gia tại doanh nghiệp các vấn đề học hỏi được từ thực tế.
9.d. Tổ chức quản lý các khóa học trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp
Trưởng khoa/Phó trưởng khoa/trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý các khóa học trải nghiệm tại các doanh nghiệp. Các giảng viên được phân công hướng dẫn các nhóm kết hợp với các trưởng bộ phận tại doanh nghiệp thiết kế nội dung thực tập phù hợp với nội dung các học phần trong CTĐT và tổ chức đánh giá trên sản phẩm mà sinh viên phải hoàn thành sau mỗi đợt làm việc thực tế tại doanh nghiệp.
9.e. Thời gian học tập trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp
Thời gian học tập tại doanh nghiệp kéo dài từ 6 – 9 tuần
9.f. Đánh giá học phần học trải nghiệm công việc thực tế

Đối với các học phần kiến tập và thực tập tốt nghiệp, sau khi kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo/tiểu luận hoặc khóa luận tốt nghiệp. Giảng viên hướng dẫn và các chuyên gia tại doanh nghiệp sẽ đánh giá và cho điểm.

10. Sinh viên tham gia xây dựng và phát triển CTĐT (Làm thế nào sinh viên đang học hoặc cựu sinh viên tham gia vào việc góp ý xây dựng và phát triển CTĐT)

- Thông qua câu lạc bộ sinh viên, ban cán sự lớp, hoặc phiếu lấy ý kiến đóng góp của sinh viên cho việc xây dựng CTĐT.
- Thông qua CLB cựu sinh viên được khoa tổ chức họp mặt hàng năm hoặc 2 năm một lần để thu thập ý kiến đóng góp cho CTĐT.

11. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời:

11.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Yes	
11.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Yes	
11.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp lên cao học, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

12. Chất lượng và các tiêu chuẩn:

Nhà trường và khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế, và linh hoạt thay đổi đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với môi trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

1. Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời.;
2. Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo “Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm”;
3. Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;
4. Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và công nghiệp 4.0;
5. Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

13. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo: 30/06/2017

14. Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và các học phần:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Kiến thức					Kỹ năng chung			Kỹ năng nghề nghiệp					Thái độ		
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12	ELO 13	ELO 14	ELO 15	ELO 16
1	Logic học đại cương	3	N	H	N	N	N	H	S	S	N	S	N	N	H	N	H	N
2	Anh văn 1	3	N	H	N	N	N	H	S	S	N	S	N	H	H	N	H	N
3	Tin học cơ bản	2	N	H	N	N	N	H	S	S	N	S	H	N	H	N	H	N
4	Kinh tế vi mô	2	S	S	N	N	N	N	N	N	N	S	N	N	S	N	S	S
5	Lý luận về Nhà nước và pháp luật	3	H	S	H	N	N	H	S	N	N	N	N	N	N	N	H	N
6	Luật Hiến pháp	3	S	H	H	N	N	N	N	N	S	H	N	N	S	N	S	N
7	Luật Hành chính	3	N	N	H	N	N	H	N	H	N	N	N	N	H	H	H	N
8	Triết học Mác - Lênin	3	S	S	N	N	N	N	N	N	N	S	N	N	S	S	S	S
9	Tâm lý học đại cương	2	N	H	N	N	N	S	S	N	N	H	N	N	H	H	H	H
10	Anh văn 2	3	N	H	N	N	N	H	S	S	N	S	N	H	H	N	H	N
11	Giáo dục quốc phòng		S	S	N	N	N	N	N	N	N	S	N	N	S	S	N	N
12	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	2	H	S	H	N	N	H	S	S	N	N	N	H	N	N	H	N
13	Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
14	Luật Hình sự	3	S	N	H	N	N	N	H	N	S	N	N	N	S	S	N	N
15	Luật Hôn nhân và gia đình	2	N	N	S	H	N	S	S	H	S	N	N	N	S	H	H	N

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Kiến thức					Kỹ năng chung			Kỹ năng nghề nghiệp					Thái độ		
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12	ELO 13	ELO 14	ELO 15	ELO 16
16	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	S	S	N	N	N	N	N	N	N	S	N	N	S	S	S	S
17	Anh văn 3	3	N	H	N	N	N	H	S	S	N	S	N	H	H	N	H	N
18	Giáo dục thể chất 1	0	S	S	N	N	N	N	N	N	N	S	N	N	S	S	N	N
19	Kinh tế vĩ mô	2	S	S	N	N	N	N	N	N	N	S	N	N	S	N	S	S
20	Hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	N	N	N	S	H	H	N	S	N	S	N	N	H	S	H	H
21	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	N	N	S	H	N	S	S	H	S	N	N	N	S	H	H	N
22	Kỹ năng giao tiếp	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
23	Kỹ năng thuyết trình	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
24	Kỹ năng làm việc nhóm	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	H
25	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	S	N	N	N	N	N	N	N	N	N	N	N	N	N	N	N
26	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	S	S	N	N	N	N	N	N	N	S	N	N	S	S	S	S
27	Anh văn 4	3	N	H	N	N	N	H	S	S	N	S	N	H	H	N	H	N
28	Giáo dục thể chất 2	0	S	S	N	N	N	N	N	N	N	S	N	N	S	S	N	N
29	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	N	N	S	H	N	S	S	H	S	N	N	N	S	H	H	N
30	Luật Đất đai	2	S	S	S	S	N	H	S	S	S	S	N	N	N	N	N	N

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Kiến thức					Kỹ năng chung			Kỹ năng nghề nghiệp					Thái độ		
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12	ELO 13	ELO 14	ELO 15	ELO 16
31	Luật Tố tụng hình sự	2	S	S	H	N	N	N	H	N	S	S	N	N	S	S	H	N
32	Luật Lao động	3	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
33	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2	H	S	H	H	H	H	S	H	H	N	N	N	S	H	H	S
34	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2	S	S	S	S	N	H	S	S	S	S	N	N	S	S	S	S
35	Pháp luật về chứng khoán	2	H	S	H	H	H	H	S	H	H	N	N	N	S	H	H	S
36	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	N	N	N	S	H	H	N	S	N	S	N	N	H	S	H	H
37	Luật Đầu tư	2	S	S	S	S	N	H	S	S	S	S	N	N	S	S	S	S
38	Luật Tố tụng dân sự	3	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
39	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	S	N	N	N	N	N	N	N	S	N	N	S	S	S	S
40	Công pháp quốc tế	3	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
41	Anh văn chuyên ngành Luật KT	3	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	H	S	H	H	N
42	Pháp luật thương mại ASEAN	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
43	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	S	S	S	S	N	H	S	S	S	S	N	N	S	S	S	S
44	Pháp luật xuất nhập khẩu	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Kiến thức					Kỹ năng chung			Kỹ năng nghề nghiệp					Thái độ		
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12	ELO 13	ELO 14	ELO 15	ELO 16
45	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
46	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	S	S	N	N	N	N	N	N	N	S	N	N	S	S	S	S
47	Tư pháp quốc tế	3	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
48	Luật Sở hữu trí tuệ	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
49	Luật Ngân hàng	2	H	S	H	H	H	H	S	H	H	N	N	N	S	H	H	S
50	Luật Thương mại quốc tế	3	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
51	Luật Đầu tư quốc tế	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
52	Thanh toán quốc tế	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
53	Luật Thi hành án dân sự	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
54	Luật Biển	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
55	Luật So sánh	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
56	Luật Thuế	2	S	S	H	H	H	H	H	S	H	N	N	N	H	H	H	S
57	Luật Môi trường	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
58	Luật Tổ chức thương mại thế giới WTO	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
59	Xây dựng văn bản pháp luật	2	H	S	H	S	N	H	S	S	N	S	N	N	S	H	H	N
60	Luật Cạnh tranh	2	H	S	H	H	H	H	S	H	H	N	N	N	S	H	H	S

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Kiến thức					Kỹ năng chung			Kỹ năng nghề nghiệp					Thái độ		
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12	ELO 13	ELO 14	ELO 15	ELO 16
61	Pháp luật về thương mại điện tử	2	S	S	S	S	N	H	S	S	S	S	N	N	S	S	S	S
62	Luật sư và thực hành nghề luật	2	N	N	N	S	H	H	N	S	N	S	N	N	H	S	H	H
63	Lễ tân ngoại giao	2	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
64	HPTN1: Các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại	3	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
65	HPTN 2: Kỹ năng đàm phán, soạn thảo, tư vấn hợp đồng trong kinh doanh	3	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N
66	Thực tập cuối khóa	4	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	H
67	Khóa luận tốt nghiệp	6	H	S	H	H	S	H	S	S	H	N	N	N	S	H	H	N

15. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần:

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
1	DXH0150	Logic học đại cương	Mục tiêu chính của học phần này nhằm: nâng cao khả năng tư duy của sinh viên, áp dụng thành thạo tri thức logic cơ bản vào chuyên môn.
2	DTA0012	Anh văn 1 (English 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể; - Sinh viên có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè...
3	DTH0012	Tin học cơ bản	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Sử dụng hệ điều hành Windows và các ứng dụng công nghệ thông tin, rèn luyện kỹ năng sử dụng hệ điều hành, sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng và khai thác một số dịch vụ trên Internet; sau khi học xong sinh viên có kỹ năng cơ bản đạt chuẩn quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT để phục vụ công việc chuyên môn một cách hiệu quả.
4	DCT0080	Triết học Mác - Lênin	Theo quy định của Bộ GD&ĐT
5	DTL0010	Tâm lý học đại cương	Sinh viên hiểu rõ và vận dụng hiệu quả kiến thức cơ bản của Tâm lý học đại cương vào thực tiễn học tập và đời sống, hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý vào việc xử lý các tình huống trong thực tiễn, bước đầu hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng tư duy. Sinh viên có ý thức sống và làm việc tích cực để phát triển bản thân.
6	DTA0020	Anh văn 2 (English 2)	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm); - Sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày; - Sinh viên có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.
7	DQP0010	Giáo dục An ninh quốc phòng	<i>Cấp chứng chỉ riêng</i>
8	DCT0090	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Theo quy định của Bộ GD&ĐT

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
9	DCT0100	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Theo quy định của Bộ GD&ĐT
10	DTA0030	Anh văn 3 (English 3)	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... - Sinh viên có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; - Sinh viên có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.
11	DGT0010	Giáo dục thể chất 1	<i>Cấp chứng chỉ riêng</i>
12	DTA0040	Anh văn 4 (English 4)	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; - Sinh viên có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.
13	DGT0020	Giáo dục thể chất 2	<i>Cấp chứng chỉ riêng</i>
14	DCT0030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Theo quy định của Bộ GD&ĐT
15	DCT0110	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Theo quy định của Bộ GD&ĐT
16	DKT0011	Kinh tế vi mô	<p>Môn học gồm các kiến thức cơ bản về mô hình cung cầu và hoạt động của thị trường, lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng, lý thuyết về hành vi của người sản xuất. Qua đó trình bày nguyên tắc tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng, nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp Chỉ ra những thất bại, tính kém hiệu quả của thị trường và sự cần thiết phải can thiệp vào thị trường của chính phủ.</p> <p>. Sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức cơ bản về thị trường để xử lý các tình huống thực tiễn.</p>
17	DLK0010	Lý luận về Nhà nước và pháp luật	Môn học trình bày: những kiến thức cơ bản có hệ thống về nhà nước và pháp luật, về quy luật hình thành và phát triển nhà nước và pháp luật. Những khái niệm, phạm trù cơ bản nhà nước và pháp luật, mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật, xã hội, xu hướng phát triển các hiện tượng quá trình của đời sống nhà nước và pháp luật.

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
18	DLK0030	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	Lịch sử nhà nước và pháp luật cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển, thay thế của các kiểu nhà nước và pháp luật trên thế giới. Từ đó, khái quát đặc điểm trong quá trình hình thành, phát triển, hội nhập với khu vực và quốc tế của nhà nước - pháp luật Việt Nam trong tiến trình lịch sử.
19	DKT0031	Kinh tế vĩ mô	Môn học gồm các kiến thức cơ bản về các học thuyết kinh tế vĩ mô và hoạt động của nền kinh tế trên giác độ tổng thể.; phân tích nguyên nhân gây ra các biến động kinh tế, nhận định vai trò và tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ vào nền kinh tế. Sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức cơ bản về sự vận hành của nền kinh tế để xử lý các tình huống thực tiễn.
20	DLK0100	Luật So sánh	Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật. Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Lí luận chung về luật học so sánh; (2) Các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới và một số chế định pháp luật đặc thù của những hệ thống pháp luật điển hình.
21	DLK0020	Luật Hiến pháp	Nội dung học phần giới thiệu khái quát về Luật Hiến pháp và Hiến pháp Việt Nam, những chế định cơ bản của luật hiến pháp như chế độ chính trị, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Giới thiệu về bộ máy nhà nước.
22	DLK0040	Luật Hành chính	Nội dung học phần nêu những vấn đề cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước như: cơ quan hành chính nhà nước; quan hệ pháp luật hành chính; cán bộ, công chức; quyết định hành chính; thủ tục hành chính; trách nhiệm pháp lý hành chính.
23	DLK0050	Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế	Nội dung học phần giới thiệu các vấn đề chung của Luật dân sự gồm hệ thống các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, về đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp luật dân sự; về chủ thể, khách thể, về các căn cứ phát sinh, về nội dung của các quan hệ tài sản và nhân thân; về thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự cụ thể thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự. Nghiên cứu các chế định về giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; chế định về quyền sở hữu, chế định về quyền thừa kế di sản...

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
24	DLK0060	Luật Hình sự	Nội dung học phần là nêu khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc cơ bản của luật hình sự; khái niệm, cấu tạo và hiệu lực của đạo luật hình sự; tội phạm, cấu thành tội phạm; khách thể và chủ thể của tội phạm; khái niệm, trách nhiệm hình sự; mục đích của hình phạt; hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp khác; trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội; các loại tội phạm về kinh tế.
25	DLK0070	Luật Hôn nhân và gia đình	Nội dung học phần: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình; quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; các chế định cụ thể của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam: kết hôn, hủy hôn trái pháp luật; quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ với con và các thành viên khác trong gia đình; quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân.
26	DLK0051	Hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	Nội dung học phần giới thiệu những quy định chung về hợp đồng, bao gồm khái niệm, hình thức, nội dung của hợp đồng, giao kết hợp đồng, hiệu lực, thực hiện, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng dân sự, cách phân loại hợp đồng; điều kiện phát sinh, nguyên tắc bồi thường, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cách xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại.
27	DLK0080	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	Nội dung học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ thể kinh doanh bao gồm: doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh, công ty hợp danh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn. Phương thức thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lý về thành viên của doanh nghiệp, về tổ chức quản lý doanh nghiệp, về tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp. Một số vấn đề pháp lý đặc thù về doanh nghiệp có vốn nhà nước; Quy chế pháp lý về Hợp tác xã, pháp lý về nhóm công ty cũng như khái quát về phá sản và pháp luật về phá sản và thủ tục phá sản doanh nghiệp, HTX.
28	DLK0081	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	Nội dung học phần: Những kiến thức pháp luật về hoạt động mua bán hàng hóa; hoạt động trung gian thương mại; xúc tiến thương mại; cung ứng dịch vụ thương mại; đấu giá, đấu thầu hàng hóa, dịch vụ; nhượng quyền thương mại cũng như chế tài , phương thức giải quyết

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
			tranh chấp trong thương mại, tranh chấp thương mại trọng tài.
29	DLK0112	Luật Tố tụng dân sự	Nội dung học phần là nêu khái niệm và nguyên tắc của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền của tòa án nhân dân, cơ quan tiến hành và tham gia tố tụng dân sự; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự; án phí, chi phí tố tụng; lệ phí tòa án và tiền phạt trong tố tụng dân sự; Khởi kiện, khởi tố và thụ lý án dân sự; điều tra, tạm đình chỉ và đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự; hòa giải vụ án dân sự; phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm án dân sự; giải quyết vụ án dân sự có yếu tố nước ngoài.
30	DLK0090	Công pháp quốc tế	Nội dung học phần cung cấp những kiến thức lí luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho SV kiến thức về các ngành, chế định và những vấn đề cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, trách nhiệm pháp lí quốc tế...
31	DLK0113	Luật Tố tụng hình sự	Nội dung học phần là nêu: Khái niệm, nhiệm vụ và nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành và tham gia tố tụng; chứng cứ trong tố tụng hình sự; những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự. Khởi tố vụ án hình sự; điều tra vụ án hình sự; truy tố; xét xử sơ thẩm, xét lại bản án và quyết định chưa có hiệu lực pháp luật theo thủ tục phúc thẩm; quyết định của tòa án và thi hành bản án; xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật.
32	DLK0210	Tư pháp quốc tế	Nội dung học phần gồm: những kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, môn học còn mang đến cho SV hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế.
33	DLK0340	Xây dựng văn bản pháp luật	Nội dung học phần: cung cấp những kiến thức cơ bản về VBPL và xây dựng VBPL đặc biệt là kĩ năng soạn thảo VBPL.
34	DLK0490	Luật Biển	Nội dung học phần: Luật biển là một môn khoa học pháp lý chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống những quy định pháp luật về biển trong việc xác định chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia trên các vùng

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
			biển, vấn đề hợp tác trong việc sử dụng, khai thác tài nguyên biển và giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình sử dụng và khai thác biển, đại dương. Môn học gồm 2 nhóm vấn đề chính: (i) Chế độ pháp lý của các vùng biển theo công ước 1982 về luật biển mà Việt Nam là thành viên và theo luật biển Việt Nam năm 2013, xác định ranh giới các vùng biển, phân định biển. (ii) Những vấn đề pháp lý về giải quyết tranh chấp về biển như khái niệm, phân loại tranh chấp biển, cơ chế và biện pháp giải quyết tranh chấp biển theo công ước 1982 mà Việt Nam là thành viên, thực trạng tranh chấp và giải quyết tranh chấp biển giữa Việt Nam với các nước trong khu vực.
35	DLK0240	Luật Đầu tư quốc tế	Nội dung học phần nghiên cứu chủ yếu về pháp luật điều chỉnh đầu tư quốc tế, nhằm tự do hoá đầu tư cũng như bảo hộ đầu tư nước ngoài, đồng thời cung cấp kiến thức về sự phát triển của pháp luật và các yếu tố thể chế, kinh tế và chính trị ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế. Môn học nghiên cứu các loại nguồn luật điều chỉnh đầu tư quốc tế, như các điều ước về đầu tư ở tầm toàn cầu, các hiệp định đầu tư song phương (BITs), các hiệp định đầu tư khu vực, tập quán quốc tế về đầu tư, án lệ quốc tế về đầu tư, v.v..
36	DFB0231	Thanh toán quốc tế	Nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các phương tiện và hình thức thanh toán quốc tế, gồm các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức về tỷ giá hối đoái, sự hình thành, đặc điểm, quy mô của thị trường hối đoái; - Các nghiệp vụ hối đoái, đặc điểm, quy mô và tổ chức hoạt động của thị trường giao sau và thị trường tiền gửi ngoại tệ; - Kiến thức cơ bản về các phương tiện thanh toán quốc tế; - Nội dung và quy trình thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế: phương thức chuyển tiền, phương thức nhờ thu trơn, phương thức nhờ thu kèm chứng từ; - Nội dung và quy trình thực hiện phương thức thanh toán tín dụng chứng từ và phương thức giao chứng từ nhận tiền.
37	DLK0470	Luật Thi hành án dân sự	Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Những vấn đề chung về thi hành án dân sự. Hệ thống

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
			tổ chức thi hành án dân sự và chấp hành viên. Thủ tục thi hành án, biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án. Thi hành án trong một số trường hợp cụ thể. Khiếu nại, tố cáo và kháng nghị về thi hành án dân sự.
38	DLK0270	Luật Sở hữu trí tuệ	Nội dung học phần gồm: những lý luận cơ bản về sở hữu trí tuệ; những quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời nội dung môn học còn đề cập đến các điều ước quốc tế về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đang có giá trị áp dụng trong giai đoạn toàn cầu hóa như hiện nay.
39	DLK0140	Luật Đất đai	Nội dung học phần gồm: những kiến thức cơ bản về sở hữu, quản lý đất đai ở Việt Nam trên cơ sở tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở nước ta. Luật đất đai cũng thể hiện dưới góc độ lý luận và thực tiễn về quyền của người sử dụng đất trên cơ sở nghiên cứu các chế độ pháp lý cụ thể, từ đó bao quát các thủ tục hành chính trong quản lý, sử dụng đất đai và trình tự thực hiện các quyền của người sử dụng đất... các hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai.
40	DLK0221	Luật Lao động	Nội dung học phần gồm: các kiến thức cơ bản về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản của luật lao động Việt Nam; khái niệm, ý nghĩa, đối tượng áp dụng hợp đồng lao động, việc thực hiện, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động; một số vấn đề pháp lý về tiền lương; thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; an toàn lao động và vệ sinh lao động; các hình thức kỷ luật lao động; các căn cứ để xác định trách nhiệm vật chất, mức bồi thường và cách thức bồi thường thiệt hại; tranh chấp lao động và cơ chế giải quyết tranh chấp lao động; khái niệm đình công, dấu hiệu cơ bản của đình công và thủ tục giải quyết các cuộc đình công.
41	DLK0241	Luật Đầu tư	Nội dung học phần gồm: Luật đầu tư là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về các hoạt động đầu tư kinh doanh bao gồm hình thức đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư, đảm bảo khuyến khích đầu tư, quy chế pháp lý về các khu kinh tế đặc biệt, quy chế pháp lý về đầu tư

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
			ra nước ngoài, quy chế pháp lý về đầu tư kinh doanh vốn nhà nước.
42	DTA0100	Anh văn chuyên ngành Luật Kinh tế	Nội dung học phần bao gồm 3 chương giới thiệu về các thuật ngữ tiếng Anh trong lĩnh vực pháp luật cơ bản, lĩnh vực pháp luật kinh doanh thương mại và soạn thảo một số văn bản, tài liệu pháp lý cơ bản. Mỗi chương đều có những hoạt động phát triển từ vựng, ngữ pháp cơ bản, rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Bên cạnh đó, sau mỗi chương đều có phần thực hành, thảo luận để sinh viên trao đổi và nắm chắc hơn về những nội dung đã học.
43	DLK0131	Luật Ngân hàng	Nội dung học phần gồm: Những vấn đề lý luận về ngân hàng và pháp luật ngân hàng; địa vị pháp lý của ngân hàng nhà nước; địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng; pháp luật về quản lý tiền tệ và ngoại hối; pháp luật về tín dụng và ngân hàng; pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán của các ngân hàng.
45	DLK0082	Luật Thương mại quốc tế	Nội dung học phần gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân bao gồm: Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; Thương mại dịch vụ và GATS; Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Pháp luật về thanh toán quốc tế; Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.
45	DLK0190	Luật Thuế	Nội dung học phần: Học phần trang bị kiến thức, kỹ năng về luật thuế. Học phần gồm 5 chương, với các nội dung chính: Lý luận chung về thuế và pháp luật thuế; Pháp luật thuế thu vào hàng hoá, dịch vụ; Pháp luật thuế thu vào thu nhập; Pháp luật thuế thu vào hành vi sử dụng một số tài sản của Nhà nước; Pháp luật về quản lý thuế.
46	DLK0200	Luật Môi trường	Nội dung học phần gồm: Pháp luật kiểm soát ô nhiễm (đánh giá tác động môi trường, hệ thống tiêu chuẩn về môi trường, những khía cạnh pháp lý về quản lý chất thải); pháp luật về bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học; các khía cạnh pháp lý quốc tế về bảo vệ môi trường.

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
47	DLK0480	Luật Tổ chức thương mại thế giới WTO	Nội dung học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Thông qua môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức: Tổng quan về Luật WTO; Các nguyên tắc cơ bản của Luật WTO; Các nguồn của Luật WTO (Hệ thống các hiệp định của WTO); Luật WTO trong các lĩnh vực cụ thể; Cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO.
48	DLK0330	Luật Cạnh tranh	Nội dung học phần gồm các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh. Luật cạnh tranh nghiên cứu 7 nội dung sau: 1) Những vấn đề lí luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; 2) Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; 3) Pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh; 4) Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị thế độc quyền; 5) Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; 6) Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; 7) Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.
49	DLK0320	Pháp luật về thương mại điện tử	Nội dung học phần gồm những nội dung cơ bản: Những vấn đề chung về thương mại điện tử và pháp luật thương mại điện tử; những nội dung cơ bản của pháp luật thương mại điện tử; quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại điện tử. Nội dung học phần được chia thành 4 chương với những nội dung cơ bản sau: Khái quát về Thương mại điện tử và Luật Thương mại điện tử; Hợp đồng Thương mại điện tử; Thanh toán trong Thương mại điện tử và Giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử.
50	DLK0250	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	Nội dung học phần trang bị kiến thức, kỹ năng về pháp luật tài chính trong doanh nghiệp. Học phần gồm 6 chương, tập trung vào các nội dung chính như: Những vấn đề chung của pháp luật TCDN; Pháp luật về vốn của doanh nghiệp; Pháp luật về doanh thu và chi phí và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp; Pháp luật về kế toán trong doanh nghiệp; Pháp luật về công khai thông tin TCDN; Pháp luật điều chỉnh hoạt động TCDN trong tổ chức lại doanh nghiệp.
51	DLK0260	Pháp luật về chứng khoán	Nội dung học phần: cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lí của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lí chủ yếu trong

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
			kinh doanh chứng khoán và quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán. Nội dung chính gồm: Khái niệm chứng khoán và luật chứng khoán; Pháp luật về chào bán chứng khoán; Pháp luật về tổ chức thị trường chứng khoán; Pháp luật về công ty đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư chứng khoán; Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán.
52	DLK0280	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Nội dung học phần gồm các kiến thức pháp luật về bảo vệ quyền lợi NTD. nghiên cứu những nội dung sau: Những vấn đề lí luận về bảo vệ NTD và pháp luật bảo vệ NTD; Các thiết chế bảo vệ quyền lợi NTD; Trách nhiệm của tổ chức cá nhân kinh doanh hàng hoá dịch vụ đối với NTD; Chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD; Phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD với thương nhân.
53	DLK0170	Pháp luật kinh doanh bất động sản	Nội dung học phần: Những quy định chung về kinh doanh bất động sản: nguyên tắc hoạt động kinh doanh bất động sản, các loại và điều kiện bất động sản được kinh doanh, điều kiện và phạm vi hoạt động đối với tổ chức và cá nhân kinh doanh bất động sản, chính sách và trách nhiệm nhà nước về hoạt động kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà, công trình xây dựng. Kinh doanh quyền sử dụng đất và dịch vụ bất động sản. Hợp đồng kinh doanh bất động sản và dịch vụ bất động sản.
54	DLK0150	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	Nội dung học phần: Giới thiệu các loại hình bảo hiểm tự nguyện và bắt buộc; bảo đảm của nhà nước đối với kinh doanh bảo hiểm; những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động bảo hiểm; hợp tác và cạnh tranh trong kinh doanh bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm; bảo hiểm con người; bảo hiểm tài sản; bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Doanh nghiệp bảo hiểm; đại lý bảo hiểm; doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm.
55	DLK0160	Pháp luật xuất nhập khẩu	Nội dung học phần: Chính sách chung về xuất nhập khẩu; cơ chế điều hành hạn ngạch, thuế quan; các phương thức xuất nhập khẩu; cơ chế điều hành xuất nhập khẩu.

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
56	DLK0230	Pháp luật thương mại ASEAN	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan về pháp luật thương mại ASEAN gồm các mô hình liên kết của Cộng đồng ASEAN; vận dụng được các vấn đề pháp lý cụ thể về tự do hoá thương mại hàng hoá, đầu tư, dịch vụ và lao động trong ASEAN; đánh giá được thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam; vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo chủ quyền quốc gia, chủ trương và định hướng hội nhập ASEAN của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.
57	DLK0430	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	Nội dung học phần gồm cung cấp kiến thức pháp lý liên quan đến các hình thức mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, chủ thể mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, các quy định về hợp đồng – phương thức thực hiện các các giao dịch mua bán, sáp nhập doanh nghiệp và quy định về thủ tục tiến hành.
58	DPR0060	Kỹ năng giao tiếp	Nội dung học phần gồm cung cấp và giải thích các khái niệm cơ bản nhất về giao tiếp, các kỹ năng, hình thức và yếu tố cấu thành của giao tiếp một số kỹ năng, nguyên tắc giao tiếp nhằm nâng cao khả năng giao tiếp trong việc chuyển tải thông điệp giữa cá nhân, tổ chức với các nhóm công chúng (như giới truyền thông, chính quyền, khách hàng), với lãnh đạo, đồng nghiệp nhằm xây dựng, duy trì và nâng cao uy tín và danh tiếng của tổ chức đó.
59	DPR0040	Kỹ năng thuyết trình	Nội dung học phần gồm 4 chương: Chương 1: Tổng quan thuyết trình; Chương 2: Chuẩn bị bài thuyết trình; Chương 3: Thực hiện bài thuyết trình; Chương 4: Một số kỹ năng nâng cao hiệu quả thuyết trình. Cuối mỗi chương đều có các câu hỏi ôn tập, bài tập tình huống để nghiên cứu, thảo luận và làm bài luyện tập thực hành, giúp người học không chỉ củng cố mà còn áp dụng ngay những kiến thức đã học vào thực tế, nâng cao và cải thiện kỹ năng thuyết trình của mình trong quá trình nghiên cứu và học tập về sau.
60	DXH0071	Kỹ năng làm việc nhóm	Nội dung học phần gồm 3 chương: Chương 1: Những vấn đề chung về làm việc nhóm; Chương 2: Xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; Chương 3: Kỹ năng lãnh đạo nhóm. Cuối mỗi chương đều có các câu hỏi ôn tập, bài tập tình huống để nghiên cứu, thảo luận và làm bài luyện tập thực hành, giúp cho người học không chỉ củng cố mà còn áp dụng ngay những kiến thức đã đọc, đã học vào

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
			thực tế, nâng cao và cải thiện kỹ năng làm việc nhóm của người mình trong quá trình nghiên cứu và học tập về sau.
61	DXH0040	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nội dung học phần gồm: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói chung, các phương pháp nghiên cứu và quy trình tổ chức thực hiện một công trình khoa học; Bước đầu vận dụng những kiến thức được học vào việc tổ chức thực hiện một đề tài khoa học; Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của công tác NCKH trong các ngành nghề chuyên môn đặc thù, nhất là đối với nghề Luật.
62	DLK0510	Luật sư và thực hành nghề luật	Nội dung học phần gồm: cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức, hoạt động luật sư. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong tổ chức và hoạt động luật sư, thông qua đó đáp ứng các yêu cầu thiết yếu của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực luật sư và các vấn đề có liên quan.
63	DLK0510	Lễ tân ngoại giao	Nội dung học phần gồm: Những vấn đề cơ bản về quan hệ quốc tế và quan hệ ngoại giao; Khái quát chung về lễ tân ngoại giao; Biểu tượng quốc gia; Đón tiếp đoàn khách nước ngoài; Chiêu đãi ngoại giao; Ứng xử thường thức khi tiếp xúc xã giao.
64	DLK0350	Thực tập cuối khóa	Đợt thực tập nghề nghiệp được tổ chức vào học kỳ cuối của khóa học. Thực tập nghề nghiệp là cơ hội để sinh viên tiếp cận và làm việc thực tế của các tổ chức doanh nghiệp, qua đó, sinh viên có thể vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học vào công việc thực tế, giải quyết các vấn đề cụ thể của lĩnh vực chuyên ngành đã học tại doanh nghiệp. Sinh viên có dịp học hỏi và trau dồi thêm các kỹ năng mềm cần thiết cho mục tiêu nghề nghiệp tương lai sau khi tốt nghiệp ra trường.
65	DLK0360	Khóa Luận tốt nghiệp	Những sinh viên đủ điều kiện viết Khóa luận tốt nghiệp sẽ tự chọn một đề tài có thể là một vấn đề hay một khía cạnh nhỏ trong số những vấn đề do Khoa quy định. Nếu chọn vấn đề khác thì phải được sự đồng ý của giảng viên. Sinh viên triển khai đề tài thành một công trình nghiên cứu. - Học phần yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một công trình nghiên cứu có nội dung liên

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
			<p>quan đến các kiến thức của ngành Luật Kinh tế. Khi thực hiện khóa luận, sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hay được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải theo đúng quy định, thông báo của Khoa về các mốc thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ khóa luận. - Những sinh viên không đủ điều kiện viết Khóa luận tốt nghiệp sẽ phải học 2 học phần tối nghiệp tương đương.
66	DLK0520	HPTN1: Các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại	<p>Là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại, đặc biệt là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại. Nội dung cụ thể bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại; Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại thông qua thương lượng, hòa giải, giải quyết tranh chấp thương mại tại tòa án, đặc biệt môn học chú trọng đến phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại tại Việt Nam. - Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những tình huống pháp lý, những vụ việc tranh chấp thương mại đã xảy ra trong thực tế để sinh viên ứng dụng, vận dụng để nhận diện các vấn đề pháp lý cũng như tích lũy kiến thức và kinh nghiệm trong hoạt động giải quyết tranh chấp trong thương mại tại Việt Nam hiện nay.
67	DLK0290	HPTN2: Kỹ năng đàm phán, soạn thảo, tư vấn hợp đồng trong kinh doanh	<p>Môn học này bao gồm ba nội dung chính là kỹ năng đàm phán hợp đồng, kỹ năng soạn thảo và kỹ năng tư vấn hợp đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong phần kỹ năng đàm phán hợp đồng, môn học sẽ giúp sinh viên có được kiến thức tổng thể về hoạt động đàm phán, từ vấn đề khái niệm đàm phán, các cách thức đàm phán, các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán, diễn biến của cuộc đàm phán, những điều nên và không nên trong cuộc đàm phán và cách kết thúc của một cuộc đàm phán sao cho có hiệu quả và chuyên nghiệp nhất. - Môn học sẽ giúp sinh viên nắm được các kỹ năng khi soạn thảo một hợp đồng. Sinh viên sẽ được giới thiệu

STT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung tóm tắt học phần
			<p>tổng quát về khái niệm hợp đồng, các hình thức của hợp đồng, các loại hợp đồng phổ biến phát sinh trong quá trình làm việc sau này. Tùy thuộc vào từng loại hợp đồng khác nhau sinh viên sẽ được giới thiệu cách đặt tên cho hợp đồng, các điều khoản cơ bản cần có của một hợp đồng cụ thể, nhận diện được quyền và nghĩa vụ của các bên trong một hợp đồng cụ thể và cách thức trình bày các điều khoản đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môn học giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức về hợp đồng, có kiến thức pháp lý tổng quan về các loại hợp đồng trong kinh doanh, các rủi ro pháp lý đối với từng loại hợp đồng cụ thể, để từ đó có thể tư vấn cho khách hàng trong quá trình chuẩn bị cũng như ký kết và thực hiện hợp đồng. - Bên cạnh đó, sinh viên sẽ nắm được những điều cần lưu ý khi soạn thảo một hợp đồng dân sự, thương mại phổ biến. Thêm vào đó, tại cuối môn học, sinh viên sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn để rèn luyện kỹ năng đàm phán và soạn thảo những điều khoản của hợp đồng.